BỘ CÔNG THƯƠNG

BỘ CÔNG THƯƠNG	**CỘNG HÒA CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 41/2018/TT-BCT	*Hà Nội, ngày 06 tháng 11 năm 2018*

THÔNG TƯ
Quy định về danh mục phế liệu tạm ngừng kinh doanh tạm nhập, tái xuất, chuyển khẩu

Căn cứ Luật Quản lý ngoại thương ngày 12 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 98/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương;

Căn cứ Chỉ thị số 27/CT-TTg ngày 17 tháng 9 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về một số giải pháp cấp bách tăng cường công tác quản lý đối với hoạt động nhập khẩu và sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Xuất nhập khẩu,

Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư quy định về danh mục phế liệu tạm ngừng kinh doanh tạm nhập, tái xuất, chuyển khẩu.

Điều 1. Ban hành Danh mục phế liệu tạm ngừng kinh doanh tạm nhập, tái xuất, chuyển khẩu

1. Ban hành Danh mục phế liệu tạm ngừng kinh doanh tạm nhập, tái xuất, chuyển khẩu tại Phụ lục kèm theo Thông tư này.

2. Danh mục phế liệu quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này không áp dụng đối với trường hợp kinh doanh chuyển khẩu theo hình thức hàng hóa được vận chuyển thẳng từ nước xuất khẩu đến nước nhập khẩu, không qua cửa khẩu Việt Nam.

Điều 2. Điều khoản chuyển tiếp

Đối với những lô hàng phế liệu đã làm thủ tục hải quan tạm nhập, chuyển khẩu trước ngày Thông tư này có hiệu lực, được tiếp tục thực hiện tái xuất, chuyển khẩu

theo quy định tại Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương và các quy định hiện hành.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 12 năm 2018 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2019.

2. Trong quá trình thực hiện Thông tư này, nếu phát sinh vướng mắc, thương nhân, cơ quan, tổ chức có liên quan phản ánh bằng văn bản về Cục Xuất nhập khẩu - Bộ Công Thương để xử lý./.

BỘ TRƯỞNG

Trần Tuấn Anh

PHỤ LỤC
DANH MỤC PHẾ LIỆU TẠM NGỪNG KINH DOANH TẠM NHẬP, TÁI XUẤT, CHUYỂN KHẨU

(Ban hành kèm theo Thông tư số 41/2018/TT-BCT ngày 06 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

Danh mục này được xây dựng trên cơ sở Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 65/2017/TT-BTC ngày 27 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính. Các trường hợp liệt kê mã 4 số thì áp dụng quy định của Thông tư đối với toàn bộ các mã 8 số thuộc nhóm 4 số này.

STT	Mã hàng		Mô tả mặt hàng
1	Chương 25	2520	Thạch cao; thạch cao khan; thạch cao plaster (bao gồm thạch cao nung hay canxi sulphat đã nung), đã hoặc chưa nhuộm màu, có hoặc không thêm một lượng nhỏ chất xúc tác hay chất ức chế
2	Chương 26	2618	Xỉ hạt (xỉ cát) từ công nghiệp luyện sắt hoặc thép
3		2619	Xỉ, xỉ luyện kim (trừ xỉ hạt), vụn xỉ và các phế thải khác từ công nghiệp luyện sắt hoặc thép
4		2620	Xỉ, tro và cặn (trừ loại thu được từ quá trình sản xuất sắt hoặc thép), có chứa kim loại, arsen hoặc các hợp chất của chúng
5	Chương 38	3818	Các nguyên tố hóa học đã được kích tạp dùng trong điện tử, ở dạng đĩa, tấm mỏng hoặc các dạng tương tự, các hợp chất hóa học đã được kích tạp dùng trong điện tử
6	Chương 47	4707	Giấy loại hoặc bìa loại thu hồi (phế liệu và vụn thừa)
7	Chương 50	5003	Tơ tằm phế liệu (kể cả kén không thích hợp để quay tơ, xơ sợi phế liệu và xơ sợi tái chế)
8	Chương 51	5103	Phế liệu lông cừu hoặc lông động vật loại mịn hoặc loại thô, kể cả phế liệu sợi nhưng trừ lông tái chế
9		5104	Lông cừu hoặc lông động vật loại mịn hoặc thô tái chế

STT	Mã hàng		Mô tả mặt hàng
10	Chương 52	5202	Phế liệu bông (kể cả phế liệu sợi và bông tái chế)
11	Chương 55	5505	Phế liệu (kể cả phế liệu xơ, phế liệu sợi và nguyên liệu tái chế) từ xơ nhân tạo
12	Chương 63	6310	Vải vụn, mẩu dây xe, chão bện (cordage), thừng và cáp đã qua sử dụng hoặc mới và các phế liệu từ vải vụn, dây xe, chão bện (cordage), thừng hoặc cáp, từ vật liệu dệt
13	Chương 70	7001	Thủy tinh vụn và thủy tinh phế liệu và mảnh vụn khác; thủy tinh ở dạng khối
14	Chương 72	7204	Phế liệu và mảnh vụn sắt; thỏi đúc phế liệu nấu lại từ sắt hoặc thép
15	Chương 74	7404	Phế liệu và mảnh vụn của đồng
16	Chương 75	7503	Phế liệu và mảnh vụn niken
17	Chương 76	7602	Phế liệu và mảnh vụn nhôm
18	Chương 79	7902	Phế liệu và mảnh vụn kẽm
19	Chương 80	8002	Phế liệu và mảnh vụn thiếc
20	Chương 81	8101	Phế liệu và mảnh vụn vonfram
21		8102	Phế liệu và mảnh vụn molypden
22		8104	Phế liệu và mảnh vụn magie
23		8108	Phế liệu và mảnh vụn titan
24		8109	Phế liệu và mảnh vụn xircon
25		8110	Phế liệu và mảnh vụn antimon
26		8111	Phế liệu và mảnh vụn mangan
27		8112	Phế liệu và mảnh vụn crom